

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 12 - 2023
V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đông Hà, bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Nguyễn Tú N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số D, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Nguyễn Tú N trình bày: Vào năm 2020, giữa nguyên đơn với bị đơn anh Bùi Văn T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, cho đến khoảng tháng 01/2023 thì ly thân đến nay, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn

với bị đơn. Về con chung: giữa chị N với anh T có 01 con chung tên Bùi Nhật N1, sinh ngày 15/10/2020 hiện nay do anh T đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N1, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 07/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Bùi Văn T trình bày: Quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị Trần Nguyễn Tú N là có đăng ký kết hôn; gần đây xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ gia đình, cha mẹ hai bên có động viên nhưng không khắc phục được, hiện nay anh T còn thương chị N nên anh T không đồng ý ly hôn; trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất: Về hôn nhân, có đăng ký kết hôn; có một con chung tên Bùi Nhật N1 hiện nay do anh T đang nuôi dưỡng; nợ chung và tài sản chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tình tiết, sự kiện không thống nhất: Về hôn nhân, anh T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Nguyễn Tú N với anh Bùi Văn T được ly hôn; về con chung: giao cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị N chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung: không có nên không xem xét; án phí đương sự nộp theo quy định; kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền theo vụ việc: Chị Trần Nguyễn Tú N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Bùi Văn T, con chung chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng; nợ chung và tài sản chung không có, nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Do bị đơn anh Bùi Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2020, giữa chị Trần Nguyễn Tú N với anh Bùi Văn T, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Do đó, áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm chị N với anh T đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do các bên không tin tưởng lẫn nhau, đã được hai bên gia đình động viên nhưng không thành, đến tháng 01/2023 thì ly thân cho đến nay; tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Theo biên bản xác minh ngày 01/11/2023, được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng, chính quyền địa phương không rõ. Quá trình hoà giải tại Tòa án, các bên không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, để xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn của chị N là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa chị N với anh T có 01 con chung tên Bùi Nhật N1, sinh ngày 15/10/2020, hiện nay do anh T đang nuôi dưỡng; sau khi ly thân thì chị N nuôi dưỡng, gần đây thì do anh T đang nuôi dưỡng, các bên tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu N1 mới hơn 03 tuổi và do anh T đang nuôi dưỡng, tâm lý và sinh hoạt của cháu N1 được ổn định, không nên làm xáo trộn đời sống và sinh hoạt của cháu N1. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu N1, Tòa án tiếp tục giao cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T khẳng định chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên chưa xem xét. Sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì anh T có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự khẳng định: về nợ chung và tài sản chung không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị N là nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải chịu án phí. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Nguyễn Tú N.

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Trần Nguyễn Tú N với anh Bùi Văn T được ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao cháu Bùi Nhật N1, sinh ngày 15/10/2020 cho anh Bùi Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Nguyễn Tú N chưa phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về nợ chung và tài sản chung:* Không có, nên không đề cập đến.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Trần Nguyễn Tú N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008251, ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. *Quyền kháng cáo:* Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Thủy, h.Vị Thủy
(nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

